

Số: 144/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 30 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 619 /2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về đơn xin ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: **Chị Trương Quỳnh P – sinh năm 1977**

HKTT: Số 20 ngõ 46 phố T, phường D, quận H, TP.H.

Trú tại: P305 tập thể 90A3B, phường N, quận H, TP.H.

Bị đơn: **Anh Chu Minh Đ – sinh năm 1975**

HKTT: Số 20 ngõ 46 phố T, phường D, quận H, TP.H.

Trú tại: Số 6 ngõ 1 phố L, phường B, quận H, TP.H

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

Chị Trương Quỳnh P, sinh năm 1977

Anh Chu Minh Đ, sinh năm 1975

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Quỳnh P và anh Chu Minh Đ cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung:

Chu Quỳnh M, sinh ngày 22/02/2000.

Chu Gia H, sinh ngày 13/02/2009.

Khi ly hôn giao cháu H cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Cháu M đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.6. Về lệ phí: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí chị Phương đã nộp tại biên lai số AA/2019/000xxxx ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường D, quận H, TP.H;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/99, ngày 07 tháng 04 năm 1999)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY